

124. KINH BẠC-CÂU-LA (*Bakkula Sutta*)¹

209. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Tôn giả Bakkula² trú ở Rājagaha (Vương Xá), Veḷuvana (Trúc Lâm), tại Kalandakanivāpa (chỗ nuôi dưỡng các loài sóc). Rồi lỏa thê Kassapa,³ một người bạn trước kia của Tôn giả Bakkula khi còn là cư sĩ, đi đến Tôn giả Bakkula, sau khi đến, nói lên với Tôn giả Bakkula những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, lỏa thê Kassapa nói với Tôn giả Bakkula:

– Nay Hiền giả Bakkula, bạn xuất gia đã bao lâu?

– Đã được tám mươi năm, này Hiền giả, từ khi tôi xuất gia.

– Hiền giả Bakkula, trong tám mươi năm ấy, đã bao nhiêu lần Hiền giả hành dâm dục?

– Hiền giả Kassapa, chớ có hỏi tôi như vậy: “Hiền giả Bakkula, trong tám mươi năm ấy, đã bao nhiêu lần Hiền giả hành dâm dục?” Hiền giả Kassapa, hãy hỏi tôi như sau: “Hiền giả Bakkula, trong tám mươi năm ấy, đã bao nhiêu lần Hiền giả khởi lên dục tưởng?”

– Hiền giả Bakkula, trong tám mươi năm ấy, đã bao nhiêu lần Hiền giả khởi lên dục tưởng?

210. – Hiền giả Kassapa, trong tám mươi năm từ khi tôi xuất gia, tôi không bao giờ nhận thấy có dục tưởng khởi lên.

– Vì rằng Tôn giả Bakkula trong tám mươi năm không nhận thấy có dục tưởng khởi lên, chúng tôi thọ trì sự việc này là một hy hữu, một vị tăng hữu của Tôn giả Bakkula.⁴

– Nay Hiền giả, trong tám mươi năm từ khi tôi xuất gia, tôi không bao giờ nhận thấy có sân tưởng, hại tưởng khởi lên.

¹ Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Bạc-câu-la kinh* 薄拘羅經 (T.01. 0026.34. 0475a11).

² Bakkula nghĩa là “hai gia đình”. Theo *MA*. IV. 190-92, vua phán quyết Ngài thuộc về người mẹ ruột và cũng thuộc về vợ của vị quan cố vấn, vì bà đã săn sóc nuôi dưỡng khi Ngài được tìm thấy trong bụng con cá mà không bị thương tích gì.

³ Acela Kassapa, một vị tu khổ hạnh. Xem *D*. I. 161. Cuối *Kinh Kassapa Sihanāda* viết rằng vị ấy xuất gia và trải qua 4 tháng tu tập biệt trú, sau đó chứng quả A-la-hán. *DA*. II. 349 gọi vị này là một du sĩ ngoại đạo (*paribbājaka*).

⁴ Theo *MA*. IV. 193 các đoạn này được xem là do các vị Thượng tọa kiệt tập kinh điển nói lên. Các đoạn sau cũng vậy.

– Vì rằng Tôn giả Bakkula trong tám mươi năm không nhận thấy có sân tướng, hại tướng khởi lên, chúng tôi thọ trì sự việc này là một hy hữu, một vị tăng hữu của Tôn giả Bakkula.

– Nay Hiền giả, trong tám mươi năm từ khi tôi xuất gia, tôi không nhận thấy dục tâm nào khởi lên.

– Vì rằng Tôn giả... một vị tăng hữu của Tôn giả Bakkula.

– Nay Hiền giả, trong tám mươi năm từ khi tôi xuất gia, tôi không nhận thấy sân tâm, hại tâm nào khởi lên.

– Vì rằng Tôn giả... một vị tăng hữu của Tôn giả Bakkula.

211. – Nay Hiền giả, trong tám mươi năm từ khi tôi xuất gia, tôi không nhận thấy có thân nhận y của cư sĩ.

– Vì rằng Tôn giả... một vị tăng hữu của Tôn giả Bakkula.

– Nay Hiền giả, trong tám mươi năm từ khi tôi xuất gia, tôi không nhận thấy có cắt y với con dao.

– Vì rằng Tôn giả... một vị tăng hữu của Tôn giả Bakkula.

– Nay Hiền giả, trong tám mươi năm từ khi tôi xuất gia, tôi không nhận thấy có may y với cây kim.

– Vì rằng Tôn giả... một vị tăng hữu của Tôn giả Bakkula.

– Nay Hiền giả, trong tám mươi năm từ khi tôi xuất gia, tôi không nhận thấy có nhuộm y với thuốc nhuộm.

– Vì rằng Tôn giả... một vị tăng hữu của Tôn giả Bakkula.

– Nay Hiền giả, trong tám mươi năm từ khi tôi xuất gia, tôi không nhận thấy có may y *Kāṭhina*.⁵

– Vì rằng Tôn giả... một vị tăng hữu của Tôn giả Bakkula.

– Nay Hiền giả, trong tám mươi năm từ khi tôi xuất gia, tôi không nhận thấy có may y cho các vị đồng Phạm hạnh... có nhận lời mời ăn... có khởi lên tâm như sau: “Mong rằng có người mời tôi ăn.”

– Vì rằng Tôn giả... một vị tăng hữu của Tôn giả Bakkula.

– Nay Hiền giả, trong tám mươi năm từ khi tôi xuất gia, tôi không nhận thấy có ngồi trong nhà... có ngồi ăn trong nhà... có ghi nhận chi tiết các tướng đặc biệt của nữ nhân... có thuyết pháp cho nữ nhân cho đến câu kệ bốn câu⁶... có đi đến trú phòng Tỷ-kheo-ni... có thuyết pháp cho Tỷ-kheo-ni... Tôi không nhận thấy có thuyết pháp cho học pháp nữ... Tôi không nhận thấy có thuyết pháp cho Sa-di-ni.

⁵ Xem *Vin.* II. 116.

⁶ Trong *Vin.* IV. 21, có quy định các vị Tỷ-kheo không được thuyết pháp cho nữ nhân hơn 5 hay 6 câu.

– Vì rằng Tôn giả Bakkula trong tám mươi năm không nhận thấy có thuyết pháp cho Sa-di-ni, chúng tôi thọ trì sự việc này là một hy hữu, một vị tăng hữu của Tôn giả Bakkula.

– Nay Hiền giả, trong tám mươi năm từ khi tôi xuất gia, tôi không bao giờ nhận thấy có xuất gia [cho ai]... có thọ Đại giới [cho ai]... có nhận làm y chỉ [cho ai]⁷... tôi không bao giờ nhận thấy có Sa-di hầu hạ... có tắm trong nhà tắm⁸... có tắm thoa bột cunṇa... có nhờ đồng Phạm hạnh xoa bóp chân tay... tôi không bao giờ nhận thấy có bệnh khởi lên, dầu cho một chốc lát⁹... có mang theo y được cho đến một miếng nhỏ từ cây A-li-lặc vàng¹⁰... nằm dựa vào tấm gỗ dựa¹¹... nằm dài xuống ngủ... đi an cư mùa mưa tại trú xứ gần làng.¹²

– Vì rằng Tôn giả Bakkula, trong tám mươi năm không nhận thấy có đi an cư mùa mưa tại trú xứ gần làng, chúng tôi thọ trì sự việc này là một hy hữu, một vị tăng hữu của Tôn giả Bakkula.

– Vừa đúng trong bảy ngày,¹³ này Hiền giả, còn ứ nhiễm,¹⁴ tôi đã ăn đồ ăn của nội địa,¹⁵ rồi đến ngày thứ tám, chánh trí khởi lên.

– Vì rằng Tôn giả Bakkula vừa đúng trong bảy ngày, còn ứ nhiễm, đã ăn đồ ăn của nội địa, rồi đến ngày thứ tám chánh trí khởi lên, chúng tôi thọ trì sự việc này là một hy hữu, một vị tăng hữu của Tôn giả Bakkula.

212. – Thưa Hiền giả Bakkula, hãy cho tôi xuất gia trong Pháp, Luật này, hãy cho tôi thọ Đại giới!

Rồi lỏa thê Kassapa được xuất gia trong Pháp, Luật này, được thọ Đại giới.¹⁶ Thọ Đại giới không bao lâu, Tôn giả Kassapa, an trú độc cư, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu với thượng trí tự mình chứng ngộ, chứng đắc và an trú ngay trong hiện tại Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh, mà vì mục đích ấy, các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Vị ấy biết: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì cần làm đã làm, không còn trở lại trạng thái này nữa.” Và Tôn giả Kassapa trở thành một A-la-hán nữa.

Rồi Tôn giả Bakkula, sau một thời gian, cầm chìa khóa, đi từ trú xứ này đến trú xứ khác và nói như sau:

⁷ *Nissayaṃ dātā*. Xem *Vin.* I. 60.

⁸ Xem *Vin.* I. 47.

⁹ *Gaddūhanamattaṃ*. *MA.* IV. 195 và *SA.* II. 224 giải thích là thời gian lấy được một giọt sữa từ vú con bò cái.

¹⁰ *Haritakikhaṇḍa*: Các Tỷ-kheo được phép ăn trái cây này khi đau ốm. Xem *Vin.* I. 201, 206.

¹¹ Khi ngủ, vị ấy vẫn giữ thế ngồi, bằng cách dựa vào một tấm ván nghiêng như *Vin.* II. 175 mô tả.

¹² Xem *M.* I. 31.

¹³ Xem *S.* II. 221.

¹⁴ *Sāṇa*. *MA.* IV. 196 đọc là *saraṇa* (=sa+raṇa, tham ái hay lỗi lầm), giải thích là *sa-kilesa*.

¹⁵ Đồ vật do các tín đồ cúng dường. Xem *Dh.* 308.

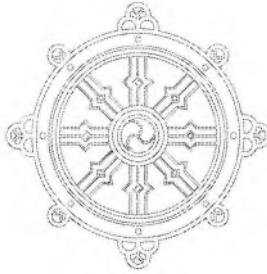
¹⁶ *MA.* IV. 196 giải thích Tôn giả Bakkula không tự mình cho xuất gia và truyền Đại giới mà nói các vị Tỷ-kheo khác làm cho.

– Chư Tôn giả hãy đi ra! Chư Tôn giả hãy đi ra! Hôm nay tôi sẽ nhập Niết-bàn.

– Vì rằng Tôn giả Bakkula cầm chìa khóa, đi từ trú xứ này đến trú xứ khác và nói như sau: “Chư Tôn giả hãy đi ra! Chư Tôn giả hãy đi ra! Hôm nay tôi sẽ nhập Niết-bàn”, chúng tôi thọ trì sự việc này là một hy hữu, một vị tăng hữu của Tôn giả Bakkula.

Rồi Tôn giả Bakkula ngồi giữa chúng Tỷ-kheo nhập Niết-bàn.¹⁷

– Vì rằng Tôn giả Bakkula ngồi giữa chúng Tỷ-kheo nhập Niết-bàn, chúng tôi thọ trì sự việc này là một hy hữu, một vị tăng hữu của Tôn giả Bakkula.



¹⁷ Vị này không muốn thân mình làm gánh nặng cho những vị Tỷ-kheo khác, nên khi viên tịch, vị ấy nhập định Hỏa quang tam-muội (*tejodhātu*) tự thiêu thân mình. Xem *MA*. IV. 196.